TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà NG Ngọc Thùy

2. Bà NG Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà NG Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc: "tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. N đơn: Chị Nguyễn Thị Kim TH, sinh năm 1982. "vắng mặt".

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, XÃ PH, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án N đơn chị Nguyễn Thị Kim TH trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/11/2016. Thời gian chung sống được khoảng 06 năm. Đến tháng 4 năm 2022 chị ly thân với anh Q cho đến nay. Vợ chồng không cùng quan điểm, thường xuyên cự cải, nhiều lần chị đi chùa về, anh Q không cho chị vào nhà và đổi ổ khóa nhà lúc 23 đến 24 giờ nên chị phải tìm phòng trọ nghỉ. Chị là người nội trợ, chăm sóc con và cha chồng già yếu, không biết anh Q bên ngoài làm gì gây ra nợ nần nhưng chị không được quyền góp ý. Chị xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 29/4/2017 và Nguyễn Gia NG, sinh ngày 29/10/2019 hiện đang sống với anh Q. Khi ly hôn chị giao hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2023 bị đơn anh NG Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim TH kết hôn vào ngày 07/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P. Quá trình chung sống được trên 05 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ anh thường xuyên vắng nhà để hai con cho anh chăm sóc. Anh khuyên vợ nhiều nhưng vợ không nghe. Từ đó vợ chồng có mâu thuẫn, vợ tự ý bỏ đi từ tháng 04 năm 2022 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị TH.

Về con chung: Giữa anh và chị TH có hai con chung Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 29/4/2017 và Nguyễn Gia NG, sinh ngày 29/10/2019 hiện đang sống với anh. Anh đồng ý nuôi hai con và yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi con mỗi người con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị TH không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với N đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Nguyễn Thị Kim TH được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 29/4/2017 và Nguyễn Gia NG, sinh ngày 29/10/2019 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị TH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TH nộp 300.000đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim TH khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Qúi Em có địa chỉ: ấp M, XÃ PH, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

N đơn chị Nguyễn Thị Kim TH và bị đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt N đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim TH và anh Nguyễn Văn Q thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 17/6/2015 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim TH và anh Nguyễn Văn Q cho rằng, Quá trình chung sống vợ chồng không cùng quan điểm, thường xuyên cự cải, nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 04 năm 2022 cho đến nay. Nay chị TH và anh Quý Em đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị TH yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TH phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim TH và anh Nguyễn Văn Q có 02 chung là Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 29/4/2017 và Nguyễn Gia NG, sinh ngày 29/10/2019 hiện đang sống với anh Q. Chị TH giao hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng và anh Q có ý kiến cũng đồng ý nuôi hai con. Mặt khác, từ khi ly thân đến nay hai con chung sống với anh Q cuộc sống cũng đảm bảo nên ghi nhận sự thỏa thuận này. Giao hai cháu N và NG cho anh Q nuôi, chị TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Q là người trực tiếp nuôi hai con chung và có yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi là không cao nên chấp nhận. Bởi, mức cấp dưỡng mà anh Q yêu cầu chị TH cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.500.000đồng/tháng là thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu vùng tại huyện T (vùng 4 là 3.250.000đ/tháng). Do đó buộc chị TH cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi người con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim TH và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TH nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; điểm a khoản 5 và điểm, a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim TH.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị Kim TH được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai con chung Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 29/4/2017 và Nguyễn Gia NG, sinh ngày 29/10/2019 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kim TH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 15/9/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim TH có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị TH đã nộp theo biên lai thu số 0004217 ngày 29/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc chị TH phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân xã M, huyện N (Giấy kết hôn số: 98 ngày 17/6/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.